

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngô Thị Th trình bày:

Năm 2016, ông Nguyễn Đức M đã vay của chị cho chị Nguyễn Thị H 03 lần là: Ngày 22/4/2016 vay 50.000.000đồng, ngày 26/4/2016 vay 6.000.000đồng, ngày 28/4/2016 vay 10.000.000 đồng. Đến ngày 13/5/2016 chị H vay thêm 13.000.000đồng. Ngày 15/8/2017, chị H đứng ra thừa nhận là người đã vay toàn bộ số tiền trên, đồng thời trả cho chị 20.000.000 đồng, còn nợ lại 59.000.000 đồng. Số tiền còn nợ, chị H nhận sẽ trả 2.000.000 đồng/tháng vào ngày thứ 10 hàng tháng kể từ tháng 9/2017 đến khi trả hết nợ.

Sau đó, chị H không trả nợ như đã cam kết từ tháng 10/2017. Chị đã nhiều lần đôn đốc chị H trả nợ nhưng chị H không trả. Nay chị yêu cầu Toà án buộc cá nhân chị H phải trả cho chị số tiền còn lại là 57.000.000 đồng, chị không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên toà: chị Th vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và ông Nguyễn Đức M có quan hệ bố chồng, con dâu. Chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh T - sinh năm 1984 là con trai ông M vào tháng 5/2018. Khi vay tiền của chị Th thì chị và anh T chưa kết hôn. Số tiền 50.000.000đồng vay của chị Ngô Thị Th ban đầu là do ông M đứng ra giao dịch vay, vì chị không có tài sản thế chấp nên ông M đứng ra vay và có thể chấp sổ đỏ của ông M. Thời gian vay thì chị không nhớ. Sau khi vay xong thì ông M đưa toàn bộ số tiền đã vay của chị Th cho chị. Sau đó chị lại hỏi vay thêm chị Th 23.000.000đồng nữa nhưng chị không nhớ vào thời điểm nào. Khi vay 23.000.000 đồng, do chị chưa trả được tiền gốc và lãi của khoản vay 50.000.000đồng nên chị Th cộng cả gốc và lãi tính đến đầu năm 2017 là 79.000.000đồng. Đến khi chị Th khởi kiện ra Tòa án thì chị trả được cho chị Th 20.000.000 đồng tiền gốc, 01 tháng sau đó chị trả 2.000.000 đồng tiền gốc nữa là 22.000.000đồng. Từ đó đến nay chị chưa trả thêm đồng nào nữa.

Nay, chị thừa nhận còn nợ chị Th 57.000.000đồng. Trong số nợ này có 50.000.000 đồng ông M đứng tên người vay nhưng thực tế là chị vay, số còn lại chị là người trực tiếp vay chị Th. Chồng cũ của chị là anh Nguyễn Văn Th và chồng hiện tại của chị là anh Nguyễn Thanh T không được sử dụng số tiền này, chị cũng không sử dụng tiền vay cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên một mình chị sẽ có trách nhiệm trả nợ chị Th.

Do chị phải đi chấp hành án phạt tù nên chị đề nghị khi nào chấp hành xong án phạt tù sẽ trả tiền cho chị Th, chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

Tại phiên toà: chị H vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh là chồng của chị Th, việc vay nợ giữa chị Th với ông M và chị H như thế nào là do chị Th trực tiếp giao dịch chứ anh không biết gì. Sau khi chị H không trả nợ, chị Th nói chuyện với anh thì anh mới biết là tổng số tiền cho vay là 79.000.000 đồng. Khi chị Th kiện ra Toà thì chị H đã trả được 22.000.000đồng. Nay còn lại 57.000.000đ. Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng anh chị. Anh cũng nhất trí với yêu cầu của chị Th buộc chị H phải trả cho vợ chồng anh 57.000.000đồng và không yêu cầu tiền lãi. Do bận công việc nên anh uỷ quyền cho chị Th tham gia tố tụng và quyết định mọi việc liên quan đến anh trong vụ án.

Tại phiên tòa: anh T vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức M trình bày:

Ngày 22/4/2016, ông có vay của chị Th hộ chị H số tiền 50.000.000đ, khi vay tại nhà chị Th thì chị H là người trực tiếp nhận số tiền 50.000.000đồng từ tay chị Th, ông là người vay hộ. Giữa chị H và chị Th cũng đã lập văn bản thoả thuận nghĩa vụ trả nợ ngày 15/8/2017. Nay ông không liên quan gì đến số tiền này nữa, ông đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa: ông M vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Chị Thẩm cho chị H cư trú tại phố M, thị trấn C, huyện T vay tiền. Quá trình thực hiện thoả thuận trả nợ, ngày 15/8/2017 hai bên đã lập văn bản thoả thuận về việc chị H trả số nợ còn lại là 59.000.000đồng, trong đó trả 2.000.000đ/tháng nhưng chị H chỉ trả được 1 tháng 9/2017 sau đó không trả nữa. Đến ngày 26/01/2018, chị Th khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng thời hiệu, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

1.3. Tại phiên tòa, anh T đã uỷ quyền cho chị Th tham gia tố tụng, chị Th và chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi tiền của nguyên đơn: Theo lời trình bày của chị Th phù hợp với nội dung “Giấy thoả thuận về nghĩa vụ trả tiền” và “Giấy nhận nợ” đều đề ngày 15/8/2017 do chị H viết thì hai bên đều thừa nhận, trong năm 2016 chị H đã trực tiếp hoặc thông qua ông M vay tiền của chị Th tổng số tiền là 79.000.000đồng. Khi vay tiền thì ông M có thể chấp cho chị Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến hạn trả tiền, chị H đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên chị Th đã khởi kiện ra Tòa. Khi đó chị H đã trả cho chị Th 20.000.000đồng tiền gốc và chị Th trả lại ông M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền còn lại thì hai bên lập văn bản là “Giấy thoả thuận về nghĩa vụ trả tiền” và “Giấy nhận nợ” vào ngày 15/8/2017. Trong đó ghi nhận số nợ còn lại là 59.000.000 đồng và thoả thuận ngày mùng 10 hàng tháng chị H phải trả cho chị Th 2.000.000đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ. Sau khi thoả thuận thì tháng 9/2017, chị H đã trả cho chị Th 2.000.000đồng, từ đó đến nay chị H không trả nợ nữa là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay, chị Th khởi kiện yêu cầu chị H phải trả số nợ 57.000.000đồng là có căn cứ, cần buộc chị H phải trả cho vợ chồng chị Th số tiền đã vay 57.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về tiền lãi: chị Th không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết về tiền lãi.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Trong tổng số tiền chị H vay của chị Th có phần do ông M đứng ra ký nhận là người vay nhưng chị H thừa nhận đã nhận khoản tiền vay này từ chị Th, còn ông M chỉ là người đứng ra nhận vay. Chị H vay tiền của chị Th để sử dụng vào việc cá nhân của chị chứ không liên quan gì đến chồng cũ của chị là anh Nguyễn Văn Th, khi đó chị cũng chưa kết hôn với anh Nguyễn Thanh T, anh T cũng trình bày là anh không biết, không được dùng khoản tiền vay này. Nay chị Th chỉ yêu cầu cá nhân chị H phải trả nợ, chị H cũng thừa nhận trách nhiệm trả nợ là của riêng chị. HĐXX thấy không cần thiết phải đưa anh Th và anh T vào tham gia tố tụng mà chỉ cần buộc chị H phải trả cho chị Th và anh T số tiền 57.000.000đ là đúng pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thoả thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Th được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $57.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.850.000 \text{ đồng}$. Chị Th được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Th đối với chị Nguyễn Thị H.

1. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Ngô Thị Th và anh Nguyễn Văn T số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Ngô Thị Th số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001822 ngày 01 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

